TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **59**/2025/DS-ST
Ngày: 29 - 4 - 2025.
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Mích.

Ông Bùi Tuấn Khanh.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Trần Minh Quyền – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 449/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 57/2025/QĐST- DS ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Anh Trần Quang L**, sinh năm 1998 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số A/B, Tết E, phường C, thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Anh Phạm Quang H, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

2. Anh Trần Minh T, sinh năm 1995 (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Khu phố A, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. (Văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 5 năm 2024).

Anh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 28/4/2025.

- *Bị đơn:* **1. Ông Ngô Văn T**, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

2. Bà Triệu Thị Thanh H, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2024, bản tự khai ngày 25/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Phạm Quang H và anh Trần Minh Th là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 03/10/2022, anh L có cho ông T và bà H vay số tiền 400.000.000 đồng. Khi cho vay hai bên có làm hợp đồng vay tiền, lãi suất tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật, trả lãi hàng tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Có nhờ ông Nguyễn Văn T quen biết phía ông T, bà H ký tên làm chứng cho việc vay tiền và Hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng công chứng Trương Thị Thanh Thúy.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông T và bà H đóng lãi cho anh L đến ngày 03/3/2023 thì ngưng. Anh L nhiều lần nhắc nhở nhưng vẫn không đóng và kéo dài đến hết thời hạn vay, anh L đến yêu cầu ông T và bà H phải trả tiền nợ vốn và lãi nhưng ông bà vẫn không trả, bà H hiện đi đâu không rõ thỉnh thoảng mới về nhà, riêng ông T đi làm thuê tại địa phương nên đến nhà không gặp ai. Hiện nay, ông T và bà H vẫn còn nợ anh L số tiền 400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu ông Ngô Văn T và bà Triệu Thị Thanh H phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 400.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 20%/năm, kể từ ngày 03/3/2023 cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án (ngày 29/4/2025) là 25 tháng 26 ngày:

400.000.000 đồng x 25 tháng 26 ngày x 20%/năm = 172.444.444 đồng.

Tổng cộng, vốn và lãi ông Ngô Văn T và bà Triệu Thị Thanh H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh L là: 572.444.444 đồng.

* Đối với bị đơn ông Ngô Văn T và bà Triệu Thị Thanh H trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng ông Ngô Văn T và bà Triệu Thị Thanh H đều vắng mặt, nên không thu thập được lời khai của ông bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Bị đơn ông Ngô Văn T và bà Triệu Thị Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Căn cứ theo đơn xin xác nhận địa chỉ cư trú đối với ông Ngô Văn T và bà Triệu Thị Thanh H đề ngày 25/4/2025, được Công an xã Thới Thuận xác định: Ông T, bà H có đăng ký thường trú tại ấp Thới Hòa 2, xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, ông T có sinh sống ở địa phương, riêng bà H thường xuyên vắng địa phương đi đâu không rõ. Mà theo địa chỉ của ông T, bà H được ghi trong giao

dịch Hợp đồng vay tiền không có biện pháp đảm bảo đề ngày 03/10/2022 với anh L là cư trú tại ấp Thới Hòa 2, xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Vì vậy, trong đơn khởi kiện anh L đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông T, bà H, nay bà H thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho anh L biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung mà không đình chỉ giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông T và bà H là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Anh L khởi kiện yêu cầu ông T và bà H trả số tiền nợ vay là 400.000.000 đồng và tính lãi suất. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo Đơn xác nhận địa chỉ nơi cư trú, Công an xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xác nhận ông T, bà H có đăng ký thường trú tại ấp Thới Hòa 2, xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[4]. Đối với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp bổ sung tại phiên tòa là *"Đơn xác nhận địa chỉ nơi cư trú đối với ông T, bà H đề ngày 25/4/2025"* nên Hội đồng xét xử công bố công khai tại phiên Tòa, là phù hợp với quy định tại Điều 254 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

- Xét yêu cầu khởi kiện của anh L buộc ông T, bà H trả số tiền nợ vay là 400.000.000 đồng và tính lãi suất.

Cơ sở chứng cứ:

+ Hợp đồng vay tiền không có biện pháp đảm bảo số công chứng 003616 quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/10/2022 được công chứng tại Văn phòng công chứng Trương Thị Thanh Thúy.

+ Văn bản giao nhận tiền giữa ông Ngô Văn T, bà Triệu Thị Thanh H với anh Trần Quang L.

[5]. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, xác định giữa anh L với ông T, bà H có giao dịch vay tiền với nhau. Anh L cho ông T, bà H vay 400.000.000 đồng vào ngày

03/10/2022, thỏa thuận thời hạn vay là: 12 tháng, trả nợ một lần vào cuối kỳ hạn cho vay. Lãi suất: Các bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Mục đích vay: để kinh doanh.

Quá trình thực hiện Hợp đồng vay chỉ đóng lãi đến ngày 03/3/2023 thì ngưng không đóng lãi nữa, dù anh L nhiều lần nhắc nhở, nhưng ông T và bà H vẫn không trả. Đối với ông T và bà H trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đều vắng mặt nên không có lời khai.

[6]. Xét các tài liệu, chứng cứ do anh L giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đó là:

+ Hợp đồng vay tiền không có biện pháp đảm bảo số công chứng 003616 quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/10/2022 được công chứng tại Văn phòng công chứng Trương Thị Thanh Thúy và Văn bản giao nhận tiền có thể hiện nội dung đầy đủ là anh L cho ông T và bà H vay 400.000.000 đồng, có chữ ký và ghi đầy đủ họ tên của ông T và bà H dưới mục Bên B (bên vay); theo nguyên đơn xác định chữ ký và viết họ tên cũng như dấu lăn tay là của ông bà viết, ký tên và lăn tay, được công chứng tại Văn phòng công chứng theo quy định. Văn bản giao nhận tiền đã thể hiện rõ nội dung anh L đã giao đủ số tiền 400.000.000 đồng cho ông T và bà H, có chữ ký và dấu lăn tay của cả 02 bên.

Nay ông T, bà H không có ý kiến gì về các chứng cứ do anh L giao nộp, đều vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập, Thông báo các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, ra Thông báo cho ông T, bà H có nghĩa vụ cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ chứng minh, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình "*về việc anh L có yêu cầu ông T, bà H có nghĩa vụ trả cho anh L số tiền nợ vay vốn gốc là 400.000.000 đồng và tính lãi suất*", nhưng hết thời gian ấn định và cho đến khi mở phiên tòa xét xử, ông T, bà H vẫn không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hay có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của anh L, cũng như không có ý kiến gì về chứng cứ do anh L giao nộp. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên xem như mặc nhiên ông T, bà H thừa nhận còn nợ anh L số tiền nợ vay nêu trên.

[7]. Từ cơ sở phân tích trên, xác định được ông T, bà H có vay của anh L và còn nợ lại 400.000.000 đồng, hợp đồng vay được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện, có làm Hợp đồng vay, có thỏa thuận thời hạn trả nợ, có tính lãi suất, nên được xem là Hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Qua hợp đồng vay thấy rằng, ông T, bà H đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi cho anh L đầy đủ khi đến hạn, mặc dù anh L đã nhiều lần đòi; nên anh L khởi kiện yêu cầu ông T, bà H trả số tiền nợ 400.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về lãi suất:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng vay thì ông T, bà H chỉ đóng lãi đến ngày 03/3/2023 thì ngưng, nên nay anh L yêu cầu tính lãi từ ngày 03/3/2023 đến khi giải quyết xong vụ án (ngày 29/4/2025) là 25 tháng 26 ngày, tính theo mức lãi suất 20%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:

400.000.000 đồng x 20%/năm x 25 tháng 26 ngày = 172.444.444 đồng.

- Tổng cộng, vốn và lãi ông T, bà H phải có nghĩa vụ trả cho anh L là: 572.444.444 đồng. Trong đó:

+ Nợ gốc: 400.000.000 đồng.

+ Nợ lãi: 172.444.444 đồng.

[9]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của anh L được chấp nhận toàn bộ, nên ông T, bà H phải có nghĩa vụ chịu án phí của số tiền là:

572.444.444 đồng = 20.000.000 đồng + (4% x 172.444.444 đồng)

= 26.897.777 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 470; Điều 468; Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 91; Điều 254; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quang L đối với ông Ngô Văn T và bà Triệu Thị Thanh H về việc "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*".

2. Buộc ông Ngô Văn T và bà Triệu Thị Thanh H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Trần Quang L số tiền nợ vay là 572.444.444 đồng (Năm trăm bảy mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

+ Nợ lãi: 172.444.444 đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

4.1. Ông Ngô Văn T và bà Triệu Thị Thanh H phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 26.897.777 đồng (Hai mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

4.2. Anh Trần Quang L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.860.000 đồng (Mười một triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006821 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hoàng Mích – Bùi Tuấn Khanh **Trần Thị Mỹ Duyên**